CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102811624, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM), S=Hà Nội, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2023.07.28 16:08:02+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.0.2

QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND

Số/No.: 711/2023/CV-MAFM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023
Hanoi, day 28 month 07 year 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI | **ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/*To*: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND
- Mã chứng khoán/ *Securities symbols:* FUEMAVND
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 27/07/2023
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF */Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component:*

STT *Order*	**Mã chứng khoán** *Securities symbol*	**Số lượng** *Volume*	**Tỷ lệ % trong danh mục** *Weighting*
I.	**Chứng khoán/ *Stock***		
1	ACB	2300	4.7%
2	CTG	700	1.9%
3	DHC	100	0.4%
4	FPT	2100	16.0%
5	GMD	1200	6.3%
6	KDH	700	2.3%
7	MBB	4000	6.9%
8	MSB	1200	1.5%
9	MWG	3500	16.9%
10	NLG	400	1.4%
11	OCB	800	1.4%
12	PNJ	1600	12.0%
13	REE	1000	6.2%
14	TCB	3000	9.2%
15	TPB	1800	3.1%
16	VIB	1700	3.2%
17	VPB	3200	6.4%
II.	**Tiền / Cash (VND)**	2,036,676	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value:*
  + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* 1,086,610,000 VND
  + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* 1,088,646,676 VND
  + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value:* 2,036,676 VND
  + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread:*
    · Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order:* Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
    · Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order:* Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT *No*	**Mã chứng khoán** *Securities code*	**Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND)** *Substitution cash per securities (VND)*	**Đối tượng áp dụng** *Applied to*	**Lý do** *Reason*
1	ACB	22,300	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	FPT	82,700	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
3	MBB	18,750	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

4	MSB	13,400	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	MWG	52,600	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	REE	67,900	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	TCB	33,450	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	VIB	20,800	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
  State if component securities shall have corporate action:
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations*:

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 27/07/2023	Kỳ trước/Last period (**) 26/07/2023	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	8	19	(11)
2. Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Issued shares*	19,600,000	18,800,000	800,000
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ *Closing price*	10,950	10,950	-
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net Asset Value at Valuation Date*			
- của quỹ ETF/ *of the Fund*	183,981,288,228	183,645,685,372	335,602,856
- của 1 lô CCQ ETF/ *per ETF Creation Unit*	1,088,646,676	1,086,660,860	1,985,816
- của 1 CCQ/ *per share*	10,886.46	10,866.60	19.86
6. Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	1,825.30	1,820.40	4.90

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 26/07/2023
(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 25/07/2023

Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật

CEO and legal representative

S.G.P: 36 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
Q. NAM TỪ LIÊM - T.P HÀ NỘI

Soh Jin Wook